

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2019/HS-PT

Ngày: 15-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tinh

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Nguyễn Kim Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 73/2018/TLHS - PT ngày 01 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo Nguyễn Văn D và Trần Văn A do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2018/HSST ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TP.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn D, sinh năm 1985 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: số 100/2 ấp Th A, xã TH, huyện TP, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: Không ổn định; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ng (chết) và bà Huỳnh Thị S, sinh năm: 1960; vợ Huỳnh Thị P, sinh năm: 1989; có 01 con sinh năm: 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 1999 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre Quyết định đưa đi cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng tại Trường giáo dưỡng huyện Bến Lức, tỉnh Long An về hành vi gây thương tích dẫn đến chết người, đã chấp hành xong; Năm 2003 bị Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú Quyết định đưa đi cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng tại Trường giáo dưỡng huyện Bến Lức, tỉnh Long An về hành vi gây rối trật tự công cộng, đã chấp hành xong; Năm 2009, phạm “Tội trộm cắp tài sản”, bị xử phạt 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù theo Bản án số 02 ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Tòa án nhân dân huyện TP, chấp hành xong hình phạt vào ngày 05 tháng 5 năm 2013, đối

với khoản bồi thường thiệt hại là 40.848.200đ và 1,21 chỉ vàng 18K trị giá 1.300.000đ, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến nay đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án nhưng bị hại không có đơn yêu cầu thi hành, do đó, bị cáo đương nhiên được xóa án tích; Bị tạm giữ từ ngày 24/5/2018 và bị tạm giam cho đến nay; có mặt.

2. Trần Văn A, sinh năm 1978 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: số 55/2 ấp Giao Hòa Chợ, xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: Không ổn định; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Lục, sinh năm: 1953 và bà Trần Thị Xệ (Sệ) (chết); sống như vợ chồng với Huỳnh Thị Hương; có 02 người con lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2003. Tiền án: có 01 tiền án: theo Bản án số 06/2013/HSST ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Bến Tre bị xử phạt Trần Văn A 06 (sáu) tháng tù về “Tội đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, chấp hành xong thời gian thử thách vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, chưa thực hiện nộp tiền sung vào công quỹ Nhà nước (số tiền dùng vào việc đánh bạc và tiền thu lợi bất chính) và án phí hình sự sơ thẩm. Tiền sự: không. Nhân thân: Năm 2001 phạm “Tội trộm cắp tài sản” bị xử phạt 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo theo Bản án số 13/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2001 của Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Bến Tre. Năm 2013, phạm “Tội đánh bạc” bị xử phạt 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo theo Bản án số 06/2013/HSST ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Bến Tre (nêu trên). Bị tạm giữ từ ngày 24/5/2018 và bị tạm giam cho đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ ngày 24 tháng 5 năm 2018, Nguyễn Văn D đi bộ từ nhà của Trần Văn A, tại ấp GHC, xã GT, huyện TP đến địa bàn ấp GB, xã GT, huyện TP, tỉnh Bến Tre tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến nhà chị Đỗ Thị H (sinh năm 1991), tại ấp GB, xã GT, huyện TP, tỉnh Bến Tre, D mở cửa nhà. D đi lại phòng ngủ của chị H, dùng tay xé thùng vách phòng ngủ làm bằng ván ép một lỗ rồi đưa tay vào bên trong mở chốt khóa vào phòng. D mở cửa tủ quần áo thì phát hiện 01 (một) túi xách nhưng chưa kịp kiểm tra bên trong, lúc này chị H phát hiện có người lạ đột nhập vào phòng nên ngồi dậy, D liền cầm túi xách bỏ chạy theo hướng đột nhập vào. Ra khỏi nhà chị H khoảng 500 mét, đến khu đất trống thuộc ấp GB, xã GT, D kiểm tra túi xách thì phát hiện bên trong có nhiều loại giấy tờ và 01 túi vải màu đỏ ghi chữ “Ngọc Thành”. D mở túi vải ra thì thấy có 02 sợi dây chuyền, 02 chiếc nhẫn và 01 đôi bông tA màu vàng. Sau khi kiểm tra xong, D lấy túi vải đựng vàng, vứt bỏ các loại giấy tờ cùng túi

xách rồi đi về nhà của Trần Văn A ngủ. Lúc này, A không có ở nhà nên D gọi điện kêu A về để cùng đi bán số tài sản vừa trộm được và hứa sẽ cho A tiền.

Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, Trần Văn A về đến nhà tại xã GT. Sau đó, D đưa toàn bộ số vàng cho A cất giữ và nói rõ do trộm cắp mà có. Đến trưa cùng ngày, A mượn xe mô tô biển số 71C3-282.49 của chị Nguyễn Thị Thu L (sinh năm 1982, cư trú ấp TQ A, xã BT) điều khiển chở D đến thị trấn MC, huyện MCN để bán vàng. Khi đến thị trấn MC, huyện MCN thì D vào quán nước giải khát gần cây xăng Mỏ Cày ngồi chờ, còn A đến tiệm vàng Kim Long (khu phố 2, thị trấn MC) bán 01 sợi dây chuyền vàng 24k, trọng lượng 10 chỉ được 34.000.000đ (ba mươi bốn triệu đồng) và tiếp tục đến tiệm vàng Kim Hải Hải (khu phố 2, thị trấn MC) bán 01 một sợi dây chuyền vàng 24k, trọng lượng 08 chỉ được 27.600.000đ (hai mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng). Số tài sản còn lại gồm: 02 chiếc nhẫn và 01 đôi bông tA, A không bán mà giữ lại. Sau khi bán vàng xong, A dùng tiền bán vàng mua 01 kiếm cộng lực với giá 140.000đ (một trăm bốn mươi ngàn đồng) rồi quay lại quán nước chở D về Thạnh Phú. Trên đường về, D hỏi A bán vàng được bao nhiêu tiền, A trả lời bán 02 sợi dây chuyền được 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng) và A còn giữ 02 chiếc nhẫn và 01 đôi bông tA. Khi về đến nhà của chị Nguyễn Thị Thu L (sinh năm 1982, cư trú ấp Thạnh Quý A, xã Bình Thạnh), A đưa cho D số tiền 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng) nhưng D không kiểm đếm. D lấy tiền cho A 7.000.000đ (bảy triệu đồng), trả cho A 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) mà D đã mượn A trước đó và nói cho luôn 02 chiếc nhẫn và 01 đôi bông tA mà A đang cất giữ; số tiền còn lại D cất giữ.

Chị Đỗ Thị H phát hiện số tài sản bị mất nên trình báo cơ quan Công an. Qua xác minh, cơ quan Công an đã mời Nguyễn Văn D và Trần Văn A làm việc, D và A đã khA nhận toàn bộ hành vi phạm tội và tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền, vàng có liên quan cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú.

Vật chứng của vụ án được thu giữ:

- Số tiền 61.880.000đ (sáu mươi một triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng) tiền Việt Nam gồm:

+ Nguyễn Văn D tự nguyện giao nộp: 47.980.000đ (bốn mươi bảy triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng).

+ Trần Văn A tự nguyện giao nộp: 13.900.000đ (mười ba triệu chín trăm ngàn đồng).

- 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, ký hiệu 999.10; 01 nhẫn kim loại màu vàng có đính kèm 01 hột lớn và 08 hột nhỏ màu trắng trong suốt; 01 đôi bông tA bằng kim loại màu vàng có đính kèm 02 hột màu trắng trong suốt, phần dưới của đôi bông tA có 03 dây kim loại màu vàng gắn 03 mảnh kim loại màu vàng hình trái tim.

- 01 kiềm cộng lực dài 35cm, nơi rộng nhất 11cm, nơi hẹp nhất 5,5cm, lưỡi kiềm làm bằng kim loại màu trắng, có ký hiệu USA, chiều dài 8,5cm, gọng kiềm làm bằng kim loại được sơn màu xanh, cán tay cầm bọc nhựa màu đen.

- 01 xe mô tô hA bánh hăng HONDA, loại Future Fi, màu đỏ-đen, số khung: RLHJC7612GZ056497, số máy: JC76E0083767, biển số: 71C3-282.49 do chị Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1982, cư trú ấp Thạnh Quí A, xã Bình Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, là chủ sở hữu.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số IMEI: 357338088702439 có gắn sim điện thoại số 0964274717 do Nguyễn Văn D giao nộp.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng đồng, có ốp lưng bằng nhựa cứng, mặt sau ốp lưng có màu xanh-đỏ, có hình ảnh một em bé trA, số IMEI1: 869125027677678; số IMEI2: 869125027677660, bên trong điện thoại có gắn một sim Viettel số: 0963372529.

- 01 (một) đĩa DVD có 03 đoạn video trích từ camera an ninh của tiệm vàng Kim Hải Hải.

Cơ quan chức năng đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và thu giữ tại phần đất của ông E, tại ấp GB, xã GT, huyện TP những đồ vật sau: 01 túi vải sọc hình chữ nhật, có trang trí hoa văn, chiều dài 33cm, chiều rộng 32cm, có quA mang bằng vải dài 98cm. Bên trong túi vải gồm có: 01 chùm chìa khóa các loại gồm 19 chiếc; 01 chùm chìa khóa 03 chiếc có ký hiệu Yomaka; 01 chùm chìa khóa 03 chiếc có ký hiệu OWO; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Đỗ Thị H, chứng minh nhân dân số: 321398934; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 101180, biển số đăng ký: 71B1-908.00 mang tên Nguyễn Thị Lê Anh Đ; 05 bao lì xì cùng loại màu vàng ký hiệu DHG PHARMA, bên trong mỗi bao lì xì có một tờ polyme mệnh giá 20.000đ (hA mười ngàn đồng) tiền Việt Nam; 01 túi vải màu đỏ hình vuông dài 08cm, rộng 07cm, có nút gài nhựa màu đỏ, dây kéo màu trắng bên ngoài có chữ in nổi màu vàng: tiệm vàng Ngọc Thành 1, Ngọc Thành 2; 01 hóa đơn mua bán vàng ngày 23 tháng 5 năm 2017 tại tiệm vàng Ngọc Thành; 01 hóa đơn mua bán vàng ngày 03 tháng 3 năm 2018 tại tiệm vàng Ngọc Thành.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú có Quyết định trưng cầu giám định để xác định loại vàng và khối lượng: 01 chiếc nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, ký hiệu 999.10; 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có đính kèm 01 hột lớn và 08 hột nhỏ màu trắng trong suốt; 01 đôi bông tA bằng kim loại màu vàng có đính kèm 02 hột màu trắng trong suốt, phần dưới của đôi bông tA có 03 dây kim loại màu vàng gắn 03 mảnh kim loại màu vàng hình trái tim tại Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Thông báo kết quả giám định số: 0215/N1.18/TĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 thông báo kết quả giám định như sau:

- 01 nhẫn bằng hợp kim vàng 23k, có khối lượng 3,7528g.
- 01 nhẫn bằng hợp kim vàng 16k, được đính đá màu trắng, có khối lượng 3,8855g.
- 01 đôi bông tA bằng hợp kim vàng 23k, được đính đá màu trắng có khối lượng 3,9292g.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 27/KL-HĐĐG ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thanh Phú xác định: 02 dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 18 chỉ, loại vàng 9999 có giá trị là 65.160.000đ (sáu mươi lăm triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 31/KL-HĐĐG ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thanh Phú xác định:

- 01 nhẫn trơn bằng vàng 23k có ký hiệu 999.10, khối lượng 3,7528g có giá trị là 3.552.652đ (ba triệu năm trăm năm mươi hA ngàn sáu trăm năm mươi hA đồng).
- 01 nhẫn kiểu bằng vàng 16k, trên mặt chiếc nhẫn có đính hột đá lớn trong suốt ở giữa, xung quanh có đính 08 hột đá nhỏ trong suốt, khối lượng 3,8855g có giá trị là 2.331.738đ (hA triệu ba trăm ba mươi một ngàn bảy trăm ba mươi tám đồng).
- 01 đôi bông tA bằng vàng 23k, trên mỗi chiếc bông có đính hột đá trong suốt, phần dưới mỗi chiếc bông tA có 03 dây bằng vàng gắn 03 mảnh vàng hình trái tim, khối lượng 3,9292g có giá trị là 3.719.644đ (ba triệu bảy trăm mười chín ngàn sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

Tổng giá trị tài sản định giá là 74.764.034đ (bảy mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn không trăm ba mươi bốn đồng).

Ngày 23 tháng 7 năm 2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Phú đã trao trả tài sản là vật chứng đã thu giữ cho bị hại Đỗ Thị H theo Quyết định xử lý vật chứng số 11 ngày 20 tháng 7 năm 2018, bao gồm: 61.600.000đ (sáu mươi một triệu sáu trăm ngàn đồng); 01 nhẫn trơn có ký hiệu 999.10 bằng hợp kim vàng 23k, khối lượng 3,7528g; 01 nhẫn kiểu bằng hợp kim vàng 16k có đính hột đá lớn trong suốt ở giữa, xung quanh có 08 (tám) hột đá nhỏ có khối lượng 3,8855g; 01 đôi bông tA bằng hợp kim vàng 23k, có đính hA hột màu trắng trong suốt, phần dưới của đôi bông tA có 03 dây bằng vàng gắn với 03 mảnh vàng hình trái tim có tổng khối lượng là 3,9292g; 01 túi xách tay bằng vải có hoa văn không xác định và có nhiều màu sắc; 01 chùm chìa khóa các loại gồm 19 chiếc; 01 chùm chìa khóa 03 chiếc có ký hiệu Yomaka; 01 chùm chìa khóa 03 chiếc có ký hiệu OWO; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Đỗ Thị H ; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 101180, biển số đăng ký 71B1-

908.00; 05 bao lì xì cùng loại màu vàng, ký hiệu DHG PHARMA, bên trong mỗi bao lì xì có một tờ tiền polyme mệnh giá 20.000đ (hA mười nghìn đồng) và 01 (một) túi vải màu đỏ bên ngoài có chữ in nổi màu vàng: tiệm vàng Ngọc Thành 1, Ngọc Thành 2. Sau khi nhận lại tài sản, chị H không yêu cầu gì khác.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú đã trao trả cho chị Nguyễn Thị Thu L 01 xe mô tô hA bánh hiệu HONDA, loại Future Fi, màu đỏ - đen, số khung RLHJC7621GZ056497, số máy JC76E0083767, biển số 71C3-282.49. Ngoài ra, theo yêu cầu của bị cáo Trần Văn A, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú đã trao trả cho chị Nguyễn Thị Thu L số tiền 280.000đ (hA trăm tám mươi ngàn đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2018/HS-ST ngày 19-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện TP đã quyết định:

1.1 Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24-5-2018.

1.2 Tuyên bố bị cáo Trần Văn A phạm “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Trần Văn A 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24-5-2018.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/11/2018 hA bị cáo kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Kiểm sát viên cho rằng kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, không có cơ sở giảm hình phạt tù cho các bị cáo. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 khoản 2 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 04 (bốn) năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Văn A 03 (ba) năm tù về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Các

phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Lời nói sau cùng các bị cáo đều yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt tù.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm; qua lời khai của các bị cáo kết hợp chứng cứ đã được thu thập, có cơ sở xác định: Vào khoảng 01 giờ ngày 24 tháng 5 năm 2018, Nguyễn Văn D đột nhập vào nhà của chị Đỗ Thị H, tại ấp GB, xã GT, huyện TP, tỉnh Bến Tre, lén lút chiếm đoạt 02 dây chuyền bằng hợp kim vàng 24K, trọng lượng 18 chỉ, loại vàng 9999, có giá trị là 65.160.000đồng; 01 nhẫn trơn bằng hợp kim vàng 23k có ký hiệu 999.10, khối lượng 3,7528g, có giá trị là 3.552.652đồng; 01 nhẫn kiểu bằng hợp kim vàng 16k, khối lượng 3,8855g, có giá trị là 2.331.738đồng; 01 đôi bông tai bằng hợp kim vàng 23k, khối lượng 3,9292g, có giá trị là 3.719.644đồng. Tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn D đã chiếm đoạt là 74.764.034đồng. Đối với Trần Văn A biết tài sản do Nguyễn Văn D trộm cắp mà có và được D yêu cầu A đem bán số vàng đã chiếm đoạt thì A đồng ý. Trần Văn A đem 02 dây chuyền bán được 61.600.000đồng nhưng chỉ giao lại cho D 55.000.000đồng và giữ lại 6.600.000đồng; D cho A số tiền 7.000.000 đồng, 02 chiếc nhẫn và 01 đôi bông tai có giá trị 9.604.034đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản do phạm tội mà có A thu lợi bất chính là 23.204.034đồng.

Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản mà bị cáo D đã chiếm đoạt, hành vi tiêu thụ tài sản và giá trị thu lợi bất chính của bị cáo A, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và bị cáo Trần Văn A phạm “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm d khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo đã xem xét tính chất của vụ án; mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Nguyễn Văn D có ông ngoại Huỳnh Văn Thê, bị cáo Trần Văn A có cậu ruột tên Nguyễn Văn Lô đều là Liệt sĩ. Do đó, các bị cáo Nguyễn Văn D và Trần Văn A được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là phù hợp. Bị cáo Trần Văn A có một tiền án về “Tội đánh bạc” chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội nên phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo Nguyễn Văn D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tuy nhiên bị cáo D có nhân thân xấu. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt tù đều cho rằng có con còn nhỏ và là lao động chính trong gia đình, đây là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên với mức hình phạt tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với mỗi bị cáo là tương xứng Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy phù hợp nên được giữ nguyên, cũng như Kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn D và Trần Văn A; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 32/2018/HS-ST ngày 19-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Bến Tre;

1.1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/5/2018.

1.2. Tuyên bố bị cáo Trần Văn A phạm “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn A 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/5/2018.

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Các bị cáo Nguyễn Văn D và Trần Văn A mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hA trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phân xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Thạnh Phú (1b);
- TAND huyện Thạnh Phú (6b);
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú (2b);
- Công an huyện Thạnh Phú (1b);
- Nhà tạm giữ Công an huyện Thạnh Phú (4b), giao mỗi bị cáo 01b;
- UBND xã Thạnh Hải, xã Giao Thạnh (2b);
- Vụ GDKT I TANDTC (1b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn Phòng Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (6b);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Văn Tĩnh